

NHỮNG BIẾN ĐỔI VỀ MẶT XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP WTO

TRẦN NGỌC HIÊN^(*)

Gia nhập WTO, các nước thành viên có nhiều cơ hội trong phát triển, nhưng cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì những rủi ro, thách thức có thể sẽ nặng nề hơn. Trước hết trong lĩnh vực kinh tế sẽ có nhiều biến đổi, từ đó kéo theo những biến đổi về mặt xã hội. Trong bối cảnh đó, nhiều vấn đề mới, phức tạp cũng nảy sinh trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, bảo vệ tổ quốc. Bài viết phân tích những biến đổi trên, làm rõ mức độ tác động của chúng, để từ đó có nhận thức đúng và tìm ra các giải pháp phù hợp để phát triển.

1. Những biến đổi trong lĩnh vực kinh tế khi nước ta gia nhập WTO - nguồn gốc của những biến đổi về xã hội

Muốn nhận thức đúng những vấn đề xã hội, an ninh, quốc phòng thì trước hết, phải nhận thức rõ những biến đổi trong lĩnh vực kinh tế khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, do nhu cầu điều chỉnh *quan hệ thương mại* nên Tổ chức Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) đã ra đời năm 1948. Quá trình toàn cầu hoá kinh tế thị trường, đặc biệt ở bước đột phá do sự ra đời kinh tế tri thức đã nảy sinh nhiều quan hệ kinh tế mới, đòi hỏi mở rộng GATT thành WTO (vào năm 1994) để điều chỉnh không chỉ quan hệ thương mại- đầu tư phát triển hơn, mà còn điều chỉnh các quan hệ dịch vụ như điện thoại quốc tế, sở hữu trí tuệ v.v... và phối hợp với Ngân hàng Thế giới

(WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) trong chính sách kinh tế toàn cầu...

Tuy là một tổ chức quốc tế gồm 150 nước, nhưng trong WTO vẫn tồn tại sự đấu tranh gay gắt giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển và các nước kém phát triển, đặc biệt trong vấn đề nông nghiệp, nông dân, vấn đề bảo vệ lợi ích người lao động, bảo vệ môi trường. Đó là nguyên nhân thất bại của các vòng đàm phán thương mại ở Doha (2001), Cancun (2003) và Hong Kong (2005).

Đối với Việt Nam, sau khi gia nhập WTO, chúng ta còn phải cải cách kinh tế từ 3-5 năm mới phù hợp với khuôn khổ của WTO, trong đó những cam kết chính như: xoá bỏ trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp; giảm thuế quan đối với

^(*) GS, TS. Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam.

hàng nhập khẩu từ 0-35%; tăng tỷ lệ sở hữu công ty nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ (như dịch vụ thuế, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tư vấn quản lý; dịch vụ máy vi tính; dịch vụ viễn thông; sản xuất, phát hành và chiếu phim...), trong đó tỷ lệ 100% sở hữu trong ngành kế toán; còn dịch vụ thư tín phát nhanh sẽ thực hiện sau 5 năm. Tất cả những cải cách đó nhằm tiến tới được công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, bình đẳng trong quan hệ thương mại, không bị các nước áp đặt luật chống phá giá như hiện nay.

Về trong nước, những yêu cầu lớn đặt ra là: tạo ra hệ thống tài chính có năng lực; kiểm soát sự lựa chọn đầu tư công; thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp...

2. Những biến đổi về mặt xã hội do cải cách kinh tế theo khuôn khổ WTO

Việt Nam gia nhập WTO là bước đi hợp lý và tất yếu trong quá trình sử dụng những nguồn lực bên ngoài để thực hiện các mục tiêu quốc gia. Nguồn lực bên ngoài hiện nay trước hết thể hiện quy mô phát triển thương mại-đầu tư ở *giai đoạn kinh tế tri thức*.

Trước mắt, nguồn lực bên ngoài và nguồn lực bên trong có sự chênh lệch khá lớn cả về lượng và chất, nên tác động của hội nhập WTO về mặt xã hội đối với nước ta có cả hai mặt thuận lợi và khó khăn cần được nhận rõ mới có thể tạo ra tình hình ổn định trong phát triển.

Thứ nhất: Hội nhập quốc tế về kinh tế cũng có nghĩa là tham gia *quá trình phân công lao động quốc tế*. Đặc điểm của phân công lao động quốc tế hiện nay là hình thành hệ thống sản xuất kinh doanh quốc tế tạo ra *chuỗi giá trị của hệ thống*. Trong điều kiện kinh tế thị trường dựa trên tri thức thì

phân công lao động quốc tế lại càng đòi hỏi việc tạo ra *chuỗi giá trị gia tăng nhiều hơn* như là điều kiện sống còn của nó.

Khó khăn của nước ta là cho đến nay chúng ta vẫn đứng bên lề kinh tế tri thức (mức độ sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam ở mức 2%, trong khi Thailand đạt 30%, Malaysia 51%, còn Singapore đã đạt tới 73%) nên rất khó khăn tham gia phân công lao động quốc tế, ưu thế về lao động rẻ cũng sẽ giảm dần, số lao động có ít và không việc làm sẽ tăng lên. Các doanh nghiệp nhà nước và các ngành xuất khẩu chỉ dựa trên khâu gia công (như dệt may) sẽ gặp khó khăn lớn trước đòi hỏi tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng của phân công lao động một cách bình đẳng.

Thứ hai: Tác động về *những biến đổi cơ cấu xã hội*. Kinh tế thị trường dựa trên tri thức (kinh tế tri thức) là cơ sở của những biến đổi về mặt xã hội, được thúc đẩy bởi toàn cầu hoá mà khuôn khổ WTO đã thể hiện. Theo bước đi của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, cơ cấu xã hội cũ sẽ biến đổi theo xu hướng:

a) Hình thành *lực lượng lao động tri thức*, tiêu biểu cho lực lượng sản xuất mới. Đây là bộ phận dân cư mới ngày càng tăng theo tiến trình phát triển kinh tế tri thức. Họ có thu nhập, mức sống vật chất và văn hoá cao hơn, được gọi là *tầng lớp trung lưu*, gồm những người lao động trong các doanh nghiệp có công nghệ cao, các chuyên gia, nhà quản lý... Ở những nước phát triển, theo số liệu của Liên Hợp Quốc, tầng lớp trung lưu chiếm 60% dân cư, có vai trò lớn trong các cuộc bầu cử chính quyền.

b) Một bộ phận nhỏ dân cư là những người giàu nhất. Đó là các ông chủ doanh nghiệp, tập đoàn thời đại

kinh tế tri thức đang thay thế dần các ông chủ thời đại kinh tế công nghiệp.

c) Một bộ phận dân cư nghèo, thất nghiệp do không theo kịp yêu cầu công việc thì chuyển sang làm dịch vụ đơn giản hoặc được trợ cấp.

d) Một đặc điểm khác của biến đổi cơ cấu xã hội là sự phát triển các *tổ chức xã hội dân sự và nghề nghiệp* dưới hình thức các hội, hiệp hội, trung tâm, viện ngoài nhà nước (hiện nước ta đã có hàng ngàn hội, hiệp hội, trung tâm...) để bảo vệ lợi ích hội viên và làm dịch vụ về sản xuất, về tiêu dùng xã hội, bảo vệ môi trường. Sự phát triển các tổ chức xã hội dân sự là sự phát triển về dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội, góp phần ngày càng tăng vào công việc của quản lý nhà nước và ổn định xã hội. Nhưng mặt khác, một số phần tử chống đối chế độ cũng ra sức lợi dụng một số người ở các tổ chức này vào ý đồ của họ. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy: sự phát triển các tổ chức xã hội dân sự là *kết quả tất yếu* của sự phát triển kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền. Nhà nước càng gắn bó với các tổ chức dân sự thì càng bảo đảm sự ổn định và phát triển, càng cô lập những phần tử chống lại dân tộc, chống lại chế độ.

Từ những biến đổi về cơ cấu xã hội trong giai đoạn mới càng khẳng định *nguyên lý về hình thái kinh tế quyết định hình thái xã hội*. Khi hình thái kinh tế thay đổi thì cơ cấu xã hội cũng thay đổi. Đó là quan điểm biện chứng, khác với tư duy giáo điều, bảo thủ. Hiện nay lực lượng chi phối nền kinh tế thị trường thế giới vẫn là các nước tư bản phát triển.

Không làm rõ vấn đề lý luận - thực tiễn này thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

đ) Một khía cạnh khác của vấn đề

xã hội là xu thế tăng lên về đào tạo, phân phối, sử dụng lao động tri thức ở phạm vi khu vực và quốc tế thể hiện trong các hoạt động thuê chuyên gia và giám đốc nước ngoài cho doanh nghiệp và cho đào tạo, trong việc xuất khẩu lao động nước ta và cho nhập cư ngắn hạn và dài hạn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Việt kiều, trí thức v.v... Tất cả những quan hệ kinh tế và xã hội ấy đều đòi hỏi phải dựa trên những tiêu chí minh bạch, công khai... Đó là những đòi hỏi rất mới đối với bộ máy quản lý ở nước ta cả về tư duy và phương thức tổ chức hoạt động.

e) Sau khi gia nhập WTO, nước ta sẽ đứng trước vấn đề xã hội là *giải quyết số lao động dôi ra* do: cải cách bộ máy hành chính nặng nề; tổ chức lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp; một số doanh nghiệp phá sản vì cạnh tranh trên thị trường nội địa tăng lên khi các rào cản về thương mại được cắt giảm theo khuôn khổ WTO. Do đó áp lực về việc làm sẽ tăng nhanh, tỷ lệ người nghèo ở nước ta sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến ổn định và an ninh xã hội.

g) Theo kinh nghiệm của các nước, nhất là Trung Quốc gia nhập WTO cách đây 5 năm cho thấy: Sau khi hội nhập thì *khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng* không giảm mà lại tăng lên trong mấy năm đầu, và nặng nề nhất là các vùng nông thôn, nơi chiếm tỷ lệ lớn trong dân số.

Mặt khác, sự căng thẳng xã hội ở các vùng đô thị tăng lên rõ rệt do số lượng lớn nông dân ra đô thị kiếm việc làm mà mức thu nhập chỉ đủ sống qua ngày. Sự căng thẳng xã hội ở các vùng đô thị còn do tốc độ cao các FDI tạo thành những cụm kinh doanh hiện đại, *nhưng biệt lập và cách ly* với vùng xã hội bao quanh.

Trên đây là những vấn đề xã hội phát sinh từ kinh tế thị trường và hội

nhập. Cách xử lý đúng hay sai có quan hệ đến thành bại của công cuộc đổi mới.

3. Chủ động nâng cao nhận thức, khôn ngoan khi giải quyết những vấn đề phát sinh

Sau khi vào WTO, mọi lĩnh vực đều phải gắn các hoạt động đối nội với đối ngoại theo các tiêu chí đã được thoả thuận. Yêu cầu này đưa đến một bước chuyển biến nhận thức và hoạt động từ mong muốn chủ quan sang dựa trên những căn cứ khoa học - thực tiễn. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng từ Đại hội VI (1986) về “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật” vẫn còn giá trị trong giai đoạn hiện nay.

Trong bối cảnh thế giới luôn biến đổi mau lẹ, đầy mâu thuẫn và nghịch lý thì muốn nhìn thẳng vào sự thật không phải dễ, còn nói rõ sự thật, tức là nhận rõ những xu hướng mang tính quy luật còn khó hơn. Vì vậy, công tác lý luận, tư tưởng, tổ chức chậm trễ so với thực tiễn là một cản trở lớn. Thế giới đã phát triển đến giai đoạn mà sự so sánh thực lực giữa các quốc gia thì nhân tố hàng đầu chưa phải là sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự mà là *trí tuệ của lãnh đạo và sức sống của toàn dân tộc*. Trí tuệ ở đây thực ra là phải “biết mình, biết người”, chính lại là vấn đề mà ta còn phải vươn tới thì mới có thể làm như lời nhắn của các

chuyên gia kinh tế “Việt Nam cần khôn ngoan khi vào WTO”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia. Toàn cầu hóa và phát triển bền vững. H.: Khoa học xã hội, 2003.
2. Khoa quốc tế học (Đại học Quốc gia Hà Nội). Việt Nam và tiến trình gia nhập WTO. H.: Thế giới, 2005.
3. Trần Ngọc Hiên. Tác động của tiến trình gia nhập WTO đối với chính trị xã hội Việt Nam trong “Việt Nam và tiến trình gia nhập WTO”. H.: Thế giới, 2005.
4. Trần Văn Tùng. Tính chất hai mặt của toàn cầu hóa. H.: Thế giới, 2002.
5. Judy L. Baker. Đánh giá tác động của các dự án phát triển tới đối nghèo. H.: Văn hóa - Thông tin, 2002.
6. Robert J. Samuelson. Thanh gươm hai lưỡi của toàn cầu hóa. *International Herald Tribune*, 2000.
7. Mai Ngọc Cường. Chính sách xã hội nông thôn - Kinh nghiệm CHLB Đức và thực tiễn Việt Nam. H.: Lý luận - chính trị, 2006.